TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/05/2025.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tường Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký viên Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1484/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 96/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông U vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà có chung sống và đăng ký kết hôn với Ông Trần Văn U vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá

trình chung sống, ông bà có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trong cách sống, cách dạy con, cách xây dựng hạnh phúc gia đình, bây giờ bà không thể ngồi lại nói chuyện với ông U được nữa, ông U thường xuyên đánh đập, la mắng nên bà H đã ly thân với ông Út. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp cho bà được ly hôn với ông U.

Về con chung: Có 03 con chung là trẻ Trần Lê Thiên D, sinh ngày 03/02/2013; trẻ Trần Lê Thành B, sinh ngày 05/4/2015; trẻ Trần Lê Khả V, sinh ngày 30/5/2020. Bà H yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Trần Lê Thành B, Trần Lê Khả V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con. Ông U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Lê Thiên D đến tuổi trưởng thành và bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà khai tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn trình bày:

Hiện nay tôi đã không còn tình cảm với bà H nữa, bà H đã dọn ra ngoài sống, bà H thường xuyên đi nhậu nhẹt và đánh bài không lo cho con cái, tôi còn nghi ngờ bà H có người đàn ông khác bên ngoài. Tuy nhiên không muốn ly hôn với bà H do còn 03 đứa con nữa, 03 đứa con phải có đủ cha mẹ.

Tại bản tự khai của trẻ Trần Lê Thành B, sinh ngày 05/4/2015 trình bày:

Trẻ Trần Lê Thành B muốn được sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn.

Tại bản tự khai của trẻ Trần Lê Thiên D, sinh ngày 03/02/2013 trình bày:

Trẻ Trần Lê Thiên D muốn được sống với ba sau khi ba mẹ ly hôn.

Trong quá trình hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

Ông U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham dự phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông U. Về con chung: Giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Lê Thành B, Trần Lê Khả V và ông U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Lê Thiên D. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông U là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 07, quận Gò Vấp có nội dung: Ông Trần Văn U có thực tế cư ngụ tại địa chỉ số: Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông U có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Ông U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông U là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 322, do Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2012 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông U là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà H yêu cầu được ly hôn với ông U vì cho rằng ông U và bà có những mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống, cụ thể hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, lối sống, mâu thuẫn về kinh tế xây dựng cuộc sống gia đình, bà H khai bị bạo lực gia đình, bị đánh đập, gây ảnh hưởng sức khỏe. Bà H yêu cầu sớm được ly hôn để ổn định tâm lý tập trung lo cho các con. Cả hai đã sống ly thân với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 13/02/2025 ông U cũng thừa nhận hai vợ chồng không còn tình cảm nhưng không đồng ý ly hôn với bà H, mặt khác ông U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham dự phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Điều này thể hiện ông U không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa bà H và ông U đã không còn sống chung với nhau. Nay bà H kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông U đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông U là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Bà H yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là trẻ Trần Lê Thành B sinh ngày 05/4/2015, Trần Lê Khả V, sinh ngày 30/5/2020, không yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Trần Lê Thiên D, sinh ngày 03/02/2013, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó, tại bản tự khai trẻ Trần Lê Thành B có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ, trẻ Trần Lê Thiên D có nguyện vọng muốn được sống chung với cha. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Ông U không có ý kiến gì về con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con, cũng như phù hợp với điều kiện kinh tế của ông Út, bà H, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà H, giao 02 con chung là trẻ Trần Lê Thành B sinh ngày 05/4/2015, Trần Lê Khả V, sinh ngày 30/5/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao 01 con chung trẻ Trần Lê Thành B sinh ngày 05/4/2015 cho cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà H chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Diễm H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn với Ông Trần Văn U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 322, do Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2012 hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Trần Lê Thành B sinh ngày 05/4/2015, Trần Lê Khả V, sinh ngày 30/5/2020 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao 01 con chung là trẻ Trần Lê Thành B sinh ngày 05/4/2015 cho ông Utrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Út, bà H đến khi nào các đương sự có đơn yêu cầu.

Ông U, bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông U, bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông U, bà H. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết ông U, bà H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà H chịu, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0056746 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (01)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp; (01)
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; (01)
- UBND Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (01)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ. (05)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tường Linh